Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Cấp III

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Nhà lớp học 2 tầng | | 01/2001 | | Nhà 3 | 1 | 751.000.000 | | | 4,00 | 30.040.000 | 30.040.000 | 405.540.000 | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | 1 | 751.000.000 | | | | 30.040.000 | 30.040.000 | 405.540.000 | | | | | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | Ngày 30 tháng 12 năm 2025<br>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

Mẫu số: ...
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Cấp IV

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Nhà lớp học 6 lớp 2 tầng | | 01/2010 | | Nhà 1 | 1 | 2.880.000.000 | | | 6,67 | 1.555.200.000 | 1.555.200.000 | 2.880.000.000 | | | | | |
| 2 | | | Nhà lớp học 3 lớp 2 tầng | | 01/2010 | | Nhà 2 | 1 | 3.550.000.000 | | | 6,67 | 1.917.000.000 | 1.917.000.000 | 3.550.000.000 | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | 2 | **6.430.000.000** | | | | **3.472.200.000** | **3.472.200.000** | **6.430.000.000** | | | | | |

Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

ỦY BAN NHÂN DÂN T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Máy vi tính để bàn (dùng chung)

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Máy vi tính Đông Nam A + Máy inHP | | 01/2009 | | MT 01 | 1 | 10.000.000 | | | 20,00 | | | 10.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 2 | | | Máy vi tính | | 01/2013 | | MT 02 | 1 | 10.000.000 | | | 20,00 | | | 10.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 3 | | | Máy tính hãng FPT | | 01/2015 | | MT 03 | 2 | 20.000.000 | | | 20,00 | | | 20.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 2 | |
| 4 | | | Bộ máy tính FPT | | 01/2015 | | MT 04 | 2 | 20.000.000 | | | 20,00 | | | 20.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 2 | |
| 5 | | | Máy tính | | 01/2021 | | MT 05 | 1 | 10.000.000 | | | 20,00 | 2.000.000 | 2.000.000 | 8.000.000 | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | 7 | 70.000.000 | | | | 2.000.000 | 2.000.000 | 68.000.000 | | | | 6 | |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Bộ bàn ghế họp (dùng chung)

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Bàn hội thảo + kính | | 01/2015 | | Bàn hội thảo | 1 | 35.000.000 | | | 12,50 | | | 35.000.000 | | | | | |
| 2 | | | Ghế phòng hội thảo | | 01/2015 | | Ghế hội thảo | 20 | 20.000.000 | | | 12,50 | | | 20.000.000 | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | **21** | **55.000.000** | | | | | | **55.000.000** | | | | | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | Ngày 30 tháng 12 năm 2025 |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
| | | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) (dùng chung)

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | May tinh xach tay | | 01/2016 | | MTXT 01 | 1 | 19.500.000 | | | 20,00 | | | 19.500.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| **Cộng** | | | | | | | | 1 | 19.500.000 | | | | | | 19.500.000 | | | | 1 | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Bộ bàn ghế tiếp khách (dùng chung)

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Bàn ghế tiếp khách | | 01/2015 | | BTK | 1 | 25.000.000 | | | 12,50 | | | 25.000.000 | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | 1 | 25.000.000 | | | | | | 25.000.000 | | | | | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

MISA Mimosa Online

Mã QHNS: 1152898

Mẫu số: S24-H

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác (dùng chung)

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Bộ thiết bị KIdsmart | | 01/2016 | | TB Kid | 1 | 22.620.000 | | | 20,00 | | | 22.620.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| **Cộng** | | | | | | | | **1** | **22.620.000** | | | | | | **22.620.000** | | | | **1** | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

**NGƯỜI LẬP SỔ**
*(Ký, họ tên)*

Hoàng Thị Minh Thu

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
*(Ký, họ tên)*

**Hoàng Thu Ngọc**

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN T.P NAM ĐỊNH T. NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

**Trần Thị Thanh Huyền**

MISA Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Máy chiếu

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Máy chiếu | | 01/2018 | | MC 01 | 1 | 34.300.000 | | | 20,00 | | | 34.300.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| **Cộng** | | | | | | | | 1 | 34.300.000 | | | | | | 34.300.000 | | | | 1 | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

MISA Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Chứng từ | | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | | | Số hiệu | Ngày tháng | | | |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Ti vi Toshiba + đầu đĩa DVD | | 01/2013 | | TV 01 | 1 | 30.000.000 | | | 20,00 | | | 30.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 2 | | | Tivi tinh thể lỏng 32 in | | 01/2016 | | TV 02 | 1 | 15.800.000 | | | 20,00 | | | 15.800.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 3 | | | Ti vi màu | | 01/2018 | | TV 03 | 1 | 17.400.000 | | | 20,00 | | | 17.400.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 4 | | | Ti vi + Đầu đĩa SAM SUNG | | 01/2011 | | TV 04 | 2 | 32.296.000 | | | 20,00 | | | 32.296.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 2 | |
| 5 | | | Tivi | | 01/2015 | | TV 05 | 1 | 15.800.000 | | | 20,00 | | | 15.800.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 6 | | | Tivi | | 01/2017 | | TV 06 | 1 | 15.000.000 | | | 20,00 | | | 15.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 7 | | | Tivi | | 01/2018 | | TV 07 | 3 | 45.000.000 | | | 20,00 | | | 45.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 3 | |
| 8 | | | Ti vi 40 SONY 40 R305B | | 01/2015 | | TV 08 | 2 | 30.000.000 | | | 20,00 | | | 30.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 2 | |
| Cộng | | | | | | | | 12 | 201.296.000 | | | | | | 201.296.000 | | | | 12 | |

ngày

ơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

Mẫu số: S24-H
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Thiết bị âm thanh

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Thiết bị âm thanh di động | | 01/2016 | | ÂTDĐ | 1 | 30.900.000 | | | 20,00 | | | 30.900.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 2 | | | Loa thiết bị âm thanh | | 01/2017 | | Loa | 1 | 30.920.000 | | | 20,00 | | | 30.920.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| **Cộng** | | | | | | | | **2** | **61.820.000** | | | | | | **61.820.000** | | | | **2** | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Cầu trượt | | 01/2016 | | Cầu trượt | 1 | 25.000.000 | | | 12,50 | | | 25.000.000 | | | | | |
| 2 | | | Bộ đồ chơi ngoài trời | | 01/2013 | | ĐCNT | 5 | 160.000.000 | | | 12,50 | | | 160.000.000 | | | | | |
| 3 | | | Mâm quay thú (PGD cấp) | | 01/2016 | | Mâm quay thú | 1 | 25.000.000 | | | 12,50 | | | 25.000.000 | GG 01 | 31/12/2024 | Thanh lý | 1 | |
| 4 | | | Tủ sấy bát | | 01/2017 | | Tủ sấy bát | 1 | 35.000.000 | | | 12,50 | 4.375.000 | 4.375.000 | 35.000.000 | | | | | |
| 5 | | | Xích đu | | 01/2016 | | Xích đu | 1 | 25.000.000 | | | 12,50 | | | 25.000.000 | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | 9 | 270.000.000 | | | | 4.375.000 | 4.375.000 | 270.000.000 | | | | 1 | |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 9 | | | Tủ cơm gas 40 kg | | 01/2017 | | Tủ cơm 02 | 1 | 47.850.000 | | | 12,50 | 5.981.250 | 5.981.250 | 47.850.000 | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | 12 | 282.872.000 | | | | 25.981.250 | 25.981.250 | 282.872.000 | | | | | |

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2
- Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Phần mềm ứng dụng

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | GT 01 | 11/04/2024 | PM misa | | 01/2024 | | PM misa | 1 | 12.000.000 | | | 20,00 | 2.400.000 | 2.400.000 | 2.400.000 | | | | | |
| **Cộng** | | | | | | | | **1** | **12.000.000** | | | | **2.400.000** | **2.400.000** | **2.400.000** | | | | | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

Mimosa Online

...ường Mầm non Hoa Mai
...a QHNS: 1132898

**Mẫu số: S24-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)*

# SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2024

Loại tài sản cố định: Quyền sử dụng đất

| STT | Chứng từ | | Ghi tăng tài sản cố định | | | | | | | Khấu hao (hao mòn) tài sản cố định | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Khấu hao | | Hao mòn | | | | Chứng từ | | | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị | Số hiệu TSCĐ | Thẻ TSCĐ | SL | Nguyên giá TSCĐ | Tỷ lệ % | Số tiền | Tỷ lệ % | Số tiền | Tổng số khấu hao (hao mòn) phát sinh trong năm | Lũy kế khấu hao/ hao mòn đã tính đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ | Số hiệu | Ngày tháng | Lý do ghi giảm TSCĐ | SL | Giá trị còn lại của TSCĐ |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4+6 | 8 | I | K | L | 9 | 10 |
| 1 | | | Khu An phong | | 01/2004 | | Đất 1 | 1 | 11.205.250.000 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | Khu An phong | | 01/2004 | | Đất 2 | 1 | 4.059.000.000 | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | 2 | 15.264.250.000 | | | | | | | | | | | |

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Phu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

MISA Mimosa Online

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

**Mẫu số: S26-H**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)*

# SỔ THEO DÕI CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ | Đơn vị tính | Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ | | | Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Lý do | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | E | 5 | 6 | 7 |
| **Loại công cụ dụng cụ: Công cụ dụng cụ** | | | | | **192** | | **99.687.500** | | | | |
| | | | Bàn giáo viên | Cái | 1 | 805.000 | 805.000 | | | | |
| | | | Bàn học sinh | Cái | 35 | 80.000 | 2.800.000 | | | | |
| | | | Bình ủ nước | Cái | 2 | 2.178.000 | 4.356.000 | | | | |
| | | | Bình ủ nước | Cái | 5 | 3.071.300 | 15.356.500 | | | | |
| | | | Bình ủ nước | Cái | 2 | 3.120.000 | 6.240.000 | | | | |
| | | | Bộ bàn ghế giường tủ | Bộ | 2 | 518.000 | 1.036.000 | | | | |
| | | | Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình | Bộ | 3 | 93.000 | 279.000 | | | | |
| | | | Bộ dụng cụ Bác sĩ | Bộ | 2 | 164.000 | 328.000 | | | | |
| | | | Búp bê bé gai | Con | 4 | 194.000 | 776.000 | | | | |
| | | | Búp bê bé trai | Con | 4 | 194.000 | 776.000 | | | | |
| | | | Con rối | Bộ | 1 | 6.500.000 | 6.500.000 | | | | |
| | | | Cổng chui | Cái | 5 | 77.400 | 387.000 | | | | |
| | | | Cột ném bóng | Cái | 2 | 506.000 | 1.012.000 | | | | |
| | | | Ghế giáo viên | Cái | 2 | 505.000 | 1.010.000 | | | | |
| | | | Ghế học sinh | Cái | 40 | 40.200 | 1.608.000 | | | | |
| | | | Giá để bình | Cái | 1 | 250.000 | 250.000 | | | | |
| | | | Giá để bình | Cái | 2 | 250.000 | 500.000 | | | | |
| | | | Giá để giầy dép | Cái | 4 | 1.950.000 | 7.800.000 | | | | |
| | | | Giá đồ chơi chim chích | Cái | 1 | 1.750.000 | 1.750.000 | | | | |
| | | | Giá đồ chơi toán học | Cái | 2 | 660.000 | 1.320.000 | | | | |
| | | | Giá phơi khăn mặt | Cái | 1 | 900.000 | 900.000 | | | | |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai

.Mã QHNS: 1132898

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ | Đơn vị tính | Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ | | | Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Lý do | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | E | 5 | 6 | 7 |
| | | | Giá sách truyện | Cái | 1 | 1.950.000 | 1.950.000 | | | | |
| | | | Giường búp bê | Bộ | 2 | 329.000 | 658.000 | | | | |
| | | | Khối hình nhỏ | Bội | 8 | 55.000 | 440.000 | | | | |
| | | | Khối hình to | Bộ | 8 | 61.000 | 488.000 | | | | |
| | | | Phách gõ | Đôi | 10 | 23.000 | 230.000 | | | | |
| | | | Quạt treo tường | Cái | 3 | 561.000 | 1.683.000 | | | | |
| | | | Thùng đựng nước có vòi | Chiếc | 1 | 1.350.000 | 1.350.000 | | | | |
| | | | Trống cơm | Cái | 5 | 55.000 | 275.000 | | | | |
| | | | Tủ đựng ca cốc | Cái | 1 | 2.750.000 | 2.750.000 | | | | |
| | | | Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ | Cái | 2 | 6.580.000 | 13.160.000 | | | | |
| | | | Tủ đựng chăn, màn,chiếu | Cái | 2 | 5.890.000 | 11.780.000 | | | | |
| | | | Xắc xô nhỏ | Cái | 10 | 38.000 | 380.000 | | | | |
| | | | Xắc xô to | Cái | 1 | 41.000 | 41.000 | | | | |
| | | | Xoong nồi 12 lít | Cái | 5 | 467.400 | 2.337.000 | | | | |
| | | | Xoong nồi 16 lít | Cái | 5 | 504.800 | 2.524.000 | | | | |
| | | | Xoong nồi 5 lít | Cái | 5 | 198.200 | 991.000 | | | | |
| | | | Xoong nồi 50 lít | Cái | 2 | 1.430.500 | 2.861.000 | | | | |

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai
Mã QHNS: 1132898

- Sổ này có 3 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 3
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

| NGƯỜI LẬP SỔ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| Hoàng Thị Minh Thu | Hoàng Thu Ngọc | Trần Thị Thanh Huyền |

A Mimosa Online